

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

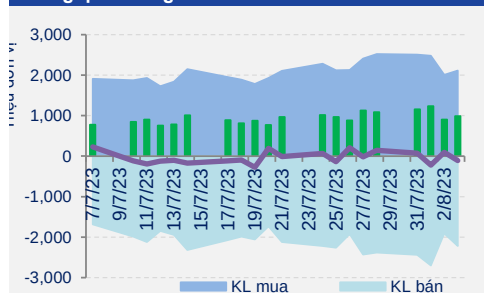
3/8/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

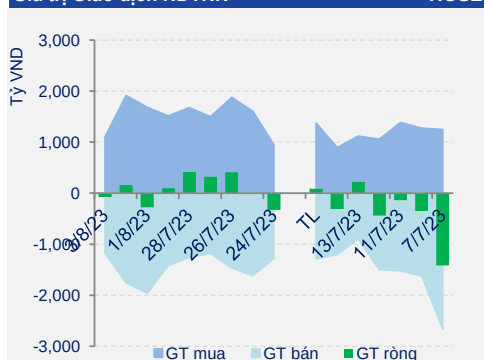
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,210.95	239.77
% Thay đổi	↓ -0.78%	↓ -0.64%
KLGD (CP)	989,578,522	101,310,751
GTGD (tỷ đồng)	21,558.96	1,791.79
Tổng cung (CP)	2,218,385,206	173,679,000
Tổng cầu (CP)	2,111,831,828	148,598,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,830,400	967,811
KL mua (CP)	33,382,100	1,299,322
GT mua (tỷ đồng)	1,103.60	45.38
GT bán (tỷ đồng)	1,178.09	10.02
GT ròng (tỷ đồng)	(74.48)	35.35

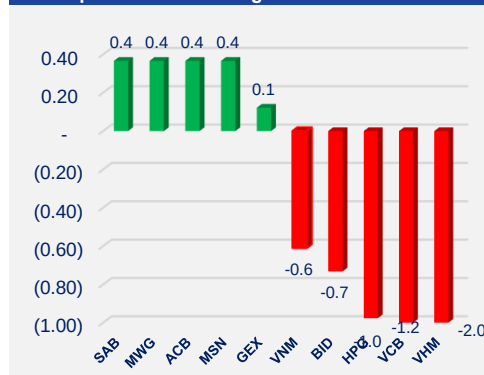
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Với lượng lớn cổ phiếu T+2 của phiên giao dịch đột biến 1,2 tỷ cổ phiếu ngày 01/08/2023 về tài khoản đã dẫn đến áp lực bán tiếp tục gia tăng lên thị trường. VN-INDEX phục hồi nhẹ trong đầu phiên với thanh khoản kém và chịu áp lực bán mạnh hơn thanh khoản gia tăng. Kết phiên VN-INDEX giảm 9,48 điểm (-0,78%) về mức 1210,95 điểm, tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá tâm lý 1.200 điểm. HNX-INDEX giảm 1,54 điểm (-0,64%) về mức 239,77 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với tổng cộng 433 mã giảm giá (03 mã giảm sàn), 224 mã tăng giá (11 mã tăng trần), và 114 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết ghi nhận 23.342 tỉ đồng, tăng 12,41% so với phiên trước, trên mức trung bình cho thấy áp lực bán gia tăng mạnh hơn. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trở lại trên HOSE với giá trị 74,48 tỷ đồng, trong đó bán ròng gia tăng ở nhóm cổ phiếu thép sau khi mua ròng mạnh liên tiếp nhiều tháng qua; mua ròng trên HNX với giá trị 35,35 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Thủ tướng chủ trì Hội nghị trực tuyến trong ngày 03/08/2023 về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP của Chính phủ và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản; Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đề xuất Chính phủ miễn, giảm lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký biển số đối với xe ô tô điện. Bên cạnh đó, thúc đẩy tiếp cận tín dụng, trợ giá trực tiếp cho người mua xe ô tô điện khoảng 1.000 USD/xe (hơn 23 triệu đồng).

Một số nhóm cổ phiếu ngành ô tô có diễn biến khá tích cực khi phục hồi với thanh khoản đột biến như CTF (+6,67%), HAX (+3,87%)... Các cổ phiếu nhóm bất động sản sau thông tin trên phân hóa mạnh, một số mã phục hồi, tăng giá như QCG (+2,34%), NTL (+1,36%), DIG (+1,19%), NVL (+1,09%)... trong khi đa số vẫn chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản trên mức trung bình như LGL (-3,13%), VHM (-2,91%), SJS (-2,48%), CII (-2,30%)....

Trong khi đó nhóm ngân hàng ảnh hưởng tiêu cực chính lên chỉ số khi đa số giảm điểm như TPB (-2,38%), EIB (-1,96%), STB (-1,72%), VPB (-1,36%)... ngoài các mã tăng giá tích cực vẫn thu hút thanh khoản đột biến mạnh với SGB (+6,51%), NAB (+4,65%), ACB (+1,52%), LPB (+1,19%)...

Thị trường phân hóa khá mạnh và vẫn có nhiều điểm tích cực khi nhiều nhóm mã vẫn tăng giá tốt như nhóm cổ phiếu bán lẻ với PET (+4,07%), DGW (+3,70%), FRT (+3,40%), MWG (+1,93%)... dù kết quả kinh doanh quý II/2023 không thật sự tích cực. Các mã nhóm vận tải dầu khí cũng có diễn biến tích cực như PDV (+2,21%), PVP (+1,01%), PVT (+0,64%), VIP (+0,41%)... Trong khi các nhóm ngành khác đa số chịu áp lực điều chỉnh.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2308 giảm 9,6 điểm (-0,79%), chênh lệch thu hẹp còn -2,40 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng khá mạnh lên mức trung bình, khối lượng mở OI tăng so với phiên trước. Cho thấy các hoạt động đầu cơ gia tăng. Các kỳ hạn VN30F2309, VN30F2312 và VN30F2403 chênh lệch thu hẹp còn -2,30 điểm đến -3,80 điểm. Kỳ hạn lớn nhất lại chênh lệch thấp nhất. Cho thấy các trader cũng không quá bi quan về mức điều chỉnh của VN30, có thể kỳ vọng xu hướng của VN30 sẽ tạo điểm đảo chiều ở khung thời gian lớn

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục có thêm phiên điều chỉnh hôm nay và tín hiệu hình thành nhịp điều chỉnh đang rõ nét hơn, việc thị trường cần có nhịp điều chỉnh đã được chúng tôi phân tích rõ trong các bản tin trước. Nhịp điều chỉnh diễn ra là trạng thái vận động lành mạnh và tự nhiên trong uptrend. VnIndex đang trong uptrend mạnh mẽ và không đối diện các ngưỡng cản cụ thể tuy nhiên các nhịp điều chỉnh sẽ có thể xuất hiện bất kỳ thời điểm nào để rũ bỏ và tích lũy thêm củng cố đà tăng. Chúng tôi kỳ vọng thị trường hình thành nhịp điều chỉnh thực sự để VnIndex có nhịp rũ bỏ và tích lũy tin cậy hơn trước khi hướng tới vùng cản mục tiêu 1.300 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường đang hình thành xu hướng điều chỉnh, biểu đồ VnIndex đang có xu hướng tạo nền rũ bỏ sau 1 giai đoạn tăng liên tiếp chưa có nhịp điều chỉnh. Chốt phiên hôm nay VnIndex giảm -9,48 điểm (-0,78%) và đóng cửa ở 1.210,95 điểm. Hiện VnIndex đang vận động trong xu hướng uptrend nhưng không có kháng cự rõ rệt do đó các phiên rung lắc điều chỉnh có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào và là trạng thái vận động bình thường, VnIndex đã hình thành uptrend sau khi bứt phá vượt qua vùng 1.150 điểm và chưa có nhịp điều chỉnh rõ nét nên nhu cầu điều chỉnh lành mạnh đang tăng lên, phiên điều chỉnh hôm nay đang cho thấy vùng điều chỉnh đang hình thành tích cực.

Xu hướng uptrend của thị trường đã hình thành và được xác nhận rõ nét, vận động của thị trường trong uptrend được hình thành bởi các nhịp tăng và điều chỉnh ngắn hạn liên tiếp, và như chúng tôi nhận định động lực tăng của thị trường sẽ còn kéo dài để VnIndex hướng tới khu vực 1.300 điểm trong đó các nhịp tăng - điều chỉnh sẽ còn diễn ra. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn việc thị trường sẽ tiếp tục điều chỉnh sẽ mở ra các cơ hội giải ngân cho nhà đầu tư lướt sóng.

Về góc nhìn trung hạn, chúng tôi đã nhận định thị trường đã hình thành uptrend và VnIndex về lý thuyết sẽ không gặp nhiều ngưỡng cản mạnh cho đến khu vực 1.300 điểm. Sau gần 6 tháng tích lũy đầu năm và giai đoạn phục hồi ngắn hạn trong hơn 1 tháng qua thị trường đã hình thành được nền gốc tin cậy và tăng điểm ổn định để xác nhận xu hướng uptrend. Hiện VnIndex đang không gặp ngưỡng cản nào mạnh cho đến vùng 1.300, trong quá trình tăng điểm thị trường sẽ hình thành các sóng ngắn hạn với các nhịp tăng và điều chỉnh đan xen. Thị trường đang cần nhịp điều chỉnh mạnh để rũ bỏ và tích lũy thêm, và nếu nhịp điều chỉnh xảy ra thì đó là vận động tốt trong trung hạn.

Trong ngắn hạn thị trường đang cho thấy khả năng hình thành vùng điều chỉnh rõ nét. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục với tỷ trọng ở mức trung bình và tiếp tục quan sát diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ trước khi quyết định giải ngân bởi xu hướng trung hạn của thị trường vẫn là uptrend. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

3/8/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
POW	13.50	13.1-13.6	16.5-17	12	22.4	13.0%	-70.1%	Theo dõi chờ giải ngân
BIC	29.10	28-29	32-33	26	8.2	33.1%	204.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CTG	30.90	30-30.8	34.5-36	28	8.4	0.0%	12.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
30/3/23	BVS	26.0	18	28-30	25	44.4%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.0	25.1	35-37	33	31.5%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.0	12.75	18-18.5	14.5	17.6%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	63.3	54.8	65-67	61	15.5%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	32.1	28.05	34-35	31	14.3%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	56.6	51	62-64	57	11.0%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	33.2	27.75	33.5-35	31	19.6%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	29.1	29.1	32-33	28	0.0%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	72.6	72.95	87-89	71	-0.5%	Chia cổ tức 2.450 đồng
2/8/23	CTG	30.9	30.6	34.5-36	29	1.0%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Chuyển tiền online xuyên biên giới từ 1.000 USD trở lên phải báo cáo**

Một số quy định đáng chú ý tại Thông tư 09/2023/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 1/12/2023: (1) quy định về quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại khoản 2 Điều 5; (2) quy định về chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo tại Điều 6, (3) quy định về chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tại Điều 9 và các mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Đề xuất mới về tiền lương đóng bảo hiểm xã hội khu vực Nhà nước

Tại dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất quy định về thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính cho đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang theo Nghị quyết số 27- NQ/TW. Người lao động bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ năm 2025 trở đi thì tính bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian đóng để tính lương hưu, trợ cấp một lần, theo đề xuất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội...

Hàng trăm dự án bất động sản đã được tháo gỡ vướng mắc

Tại Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường bất động sản diễn ra chiều 3/8, ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Tổ phó Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã báo cáo kết quả tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án bất động sản tại nhiều địa phương trên địa bàn cả nước. Đến nay, TP.HCM đã chỉ đạo và giải quyết được 67 dự án; Hà Nội đã chỉ đạo và giải quyết được 419 dự án;..

62/85 dự án điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp đàm phán xong giá tạm thời

Thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết, trong số 74 dự án năng lượng tái tạo điện gió, điện mặt trời chuyển tiếp gửi hồ sơ để đàm phán giá điện đã có 62 dự án với tổng công suất 3.399,41 MW đề nghị giá tạm bằng 50% giá trần của khung giá theo Quyết định số 21/QĐ-BCT của Bộ Công Thương.

TIN DOANH NGHIỆP

Agribank lãi trước thuế 6 tháng gần 13,498 tỷ đồng, giảm 12% so cùng kỳ

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) công bố báo cáo tài chính bán niên với lãi trước thuế gần 13,498 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch lãi trước thuế 26,200 tỷ đồng được đề ra cho cả năm, Agribank thực hiện được hơn 51% mục tiêu. Trong nửa đầu năm 2023, nguồn thu chính của Agribank tăng 6% so với cùng kỳ, thu được 29,696 tỷ đồng thu nhập lãi thuần.

Thu lãi tiền gửi tăng, Bảo hiểm Bảo Minh báo lãi ròng quý 2 tăng 12%

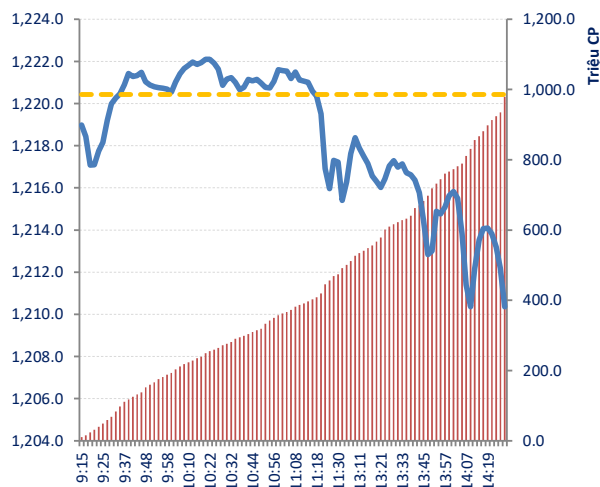
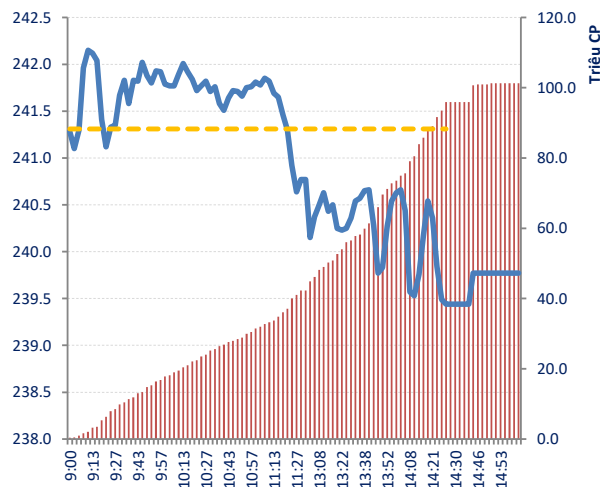
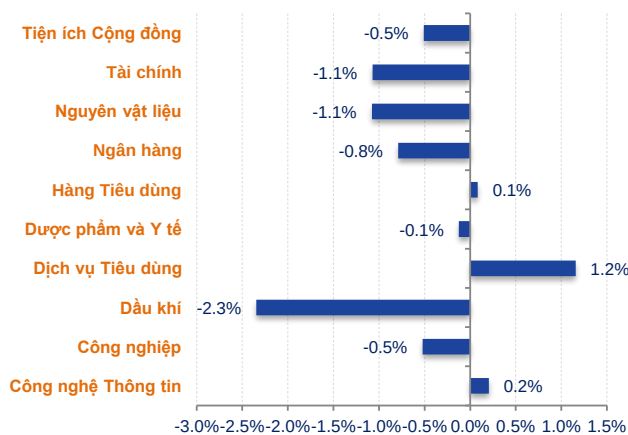
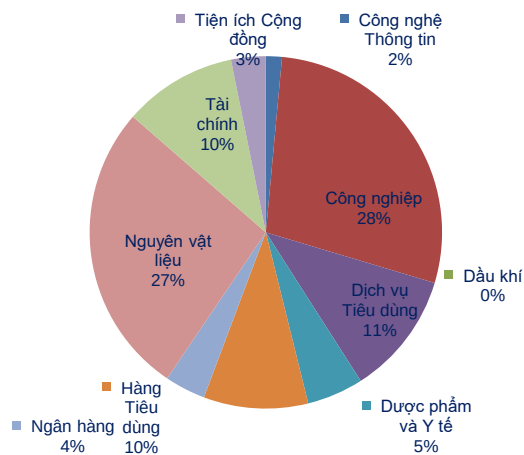
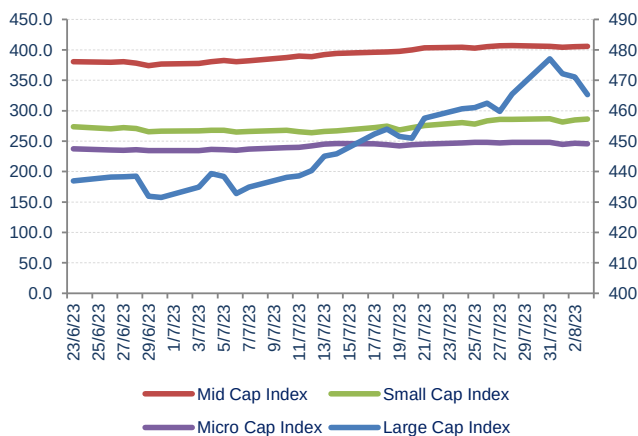
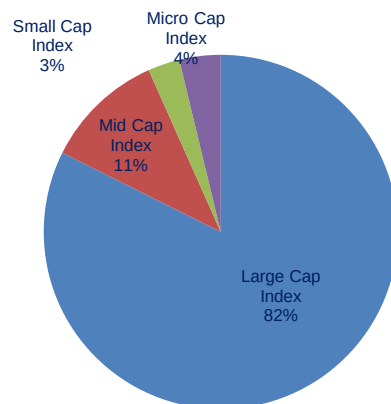
Quý 2/2023, doanh thu phí bảo hiểm của BMI tăng 8% so với cùng kỳ lên hơn 1,542 tỷ đồng, do doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm lần lượt tăng 4% và 7%, cộng thêm Công ty hoàn nhập dự phòng hơn 86 tỷ đồng. BMI thu về lãi ròng hơn 76 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ, nhờ lợi nhuận hoạt động tài chính tăng 50% lên gần 47 tỷ đồng. BMI cho biết quý 2 năm nay, lợi nhuận hoạt động tài chính tăng mạnh nhờ Công ty thu lãi tiền gửi cao hơn cùng kỳ, do mặt bằng lãi suất tăng cao trong giai đoạn vừa qua.

Cienco4 (C4G): 6 tháng đầu năm 2023 ghi nhận lãi 77,9 tỷ đồng, tương đương với cùng kỳ

Trong quý II/2023, Cienco4 ghi nhận doanh thu đạt 621,69 tỷ đồng, bằng 79,4% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 37 tỷ đồng, bằng 79% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 12,8%, lên 18,2%. Lũy kế trong nửa đầu năm 2023, Cienco4 ghi nhận doanh thu đạt 1.081,7 tỷ đồng, bằng 89,4% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 77,9 tỷ đồng, bằng 98,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nửa đầu năm 2023, Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đạt doanh thu 67.741 tỷ đồng

6 tháng đầu năm, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của BSR đạt khoảng 3,546 triệu tấn sản phẩm các loại, doanh thu đạt 67.741 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3.008 tỷ đồng. BSR đã áp dụng linh hoạt, sáng tạo nhiều giải pháp như quản trị biến động, tiết giảm chi phí, cân đối tài chính, tối ưu hoá/hợp lý hoá sản xuất, bảo dưỡng, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học... đã giúp BSR có được kết quả sản xuất kinh doanh khả quan.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,536,600	HPG	3,270,700
2	DCM	2,375,500	VND	2,997,300
3	CTF	1,746,300	MWG	1,021,500
4	SHB	799,600	FUEVFVND	789,400
5	HSG	779,200	SSI	783,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	572,400	MBG	497,600
2	PVS	195,630	MCF	115,700
3	TNG	172,651	NVB	84,821
4	PVI	44,400	OCH	60,000
5	HUT	31,400	DTD	26,577

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	27.50	26.85	↓ -2.36%	58,359,719
VND	20.20	19.80	↓ -1.98%	47,190,400
NVL	18.35	18.55	↑ 1.09%	42,858,100
VIX	16.35	16.85	↑ 3.06%	38,040,000
DXG	18.55	18.70	↑ 0.81%	29,997,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.20	15.30	↑ 0.66%	14,969,468
CEO	19.10	19.30	↑ 1.05%	9,627,808
PVS	34.00	33.00	↓ -2.94%	7,404,810
HUT	24.30	23.80	↓ -2.06%	6,377,803
IDC	48.40	47.50	↓ -1.86%	5,176,861

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIT	5.30	5.67	0.37	↑ 6.98%
ABR	14.40	15.40	1.00	↑ 6.94%
L10	21.60	23.10	1.50	↑ 6.94%
SMA	7.82	8.36	0.54	↑ 6.91%
MHC	7.25	7.75	0.50	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCT	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
VC7	20.90	22.90	2.00	↑ 9.57%
MCF	9.50	10.40	0.90	↑ 9.47%
CKV	12.00	13.00	1.00	↑ 8.33%
TFC	7.40	8.00	0.60	↑ 8.11%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTA	9.30	8.66	-0.64	↓ -6.88%
BMP	95.80	89.50	-6.30	↓ -6.58%
BTT	32.10	30.15	-1.95	↓ -6.07%
NVT	10.40	9.78	-0.62	↓ -5.96%
ABT	37.15	35.00	-2.15	↓ -5.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	32.20	29.00	-3.20	↓ -9.94%
SJ1	13.50	12.20	-1.30	↓ -9.63%
QTC	13.50	12.20	-1.30	↓ -9.63%
TMX	12.10	11.00	-1.10	↓ -9.09%
CMC	9.60	8.80	-0.80	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	58,359,719	-2.0%	(328)	-	1.6
VND	47,190,400	3.9%	467	43.3	1.6
NVL	42,858,100	-0.2%	(48)	-	0.8
VIX	38,040,000	7.0%	839	19.5	1.3
DXG	29,997,900	-1.4%	(317)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,969,468	4.3%	507	30.0	1.3
CEO	9,627,808	7.9%	1,096	17.4	1.5
PVS	7,404,810	7.2%	1,954	17.4	1.2
HUT	6,377,803	1.2%	136	179.2	2.2
IDC	5,176,861	20.7%	3,969	12.2	2.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	↑ 7.0%	0.5%	45	117.7	0.6
ABR	↑ 6.9%	14.5%	2,105	6.8	0.9
L10	↑ 6.9%	6.8%	1,771	12.2	0.8
SMA	↑ 6.9%	4.2%	467	16.7	0.7
MHC	↑ 6.9%	9.6%	1,184	6.1	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HCT	↑ 10.0%	1.1%	230	34.8	0.4
VC7	↑ 9.6%	2.4%	265	79.0	1.9
MCF	↑ 9.5%	9.2%	1,034	9.2	0.9
CKV	↑ 8.3%	3.2%	630	19.0	0.6
TFC	↑ 8.1%	11.9%	1,393	5.3	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,536,600	15.8%	3,664	8.5	1.3
DCM	2,375,500	21.3%	4,242	7.6	1.6
CTF	1,746,300	9.5%	1,145	26.2	2.4
SHB	799,600	17.9%	2,213	5.7	1.0
HSG	779,200	-12.5%	(2,114)	-	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	572,400	20.7%	3,969	12.2	2.6
PVS	195,630	7.2%	1,954	17.4	1.2
TNG	172,651	15.4%	2,353	9.0	1.4
PVI	44,400	0.5%	187	276.8	1.4
HUT	31,400	1.2%	136	179.2	2.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	511,403	23.0%	5,797	15.8	3.4
VHM	269,535	29.1%	10,332	6.0	1.6
BID	248,374	19.0%	4,025	12.2	2.2
VIC	222,352	4.0%	1,405	41.5	1.6
GAS	192,161	20.3%	6,680	15.0	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,251	7.2%	1,954	17.4	1.2
IDC	15,972	20.7%	3,969	12.2	2.6
THD	14,070	2.9%	504	79.7	2.3
SHS	12,360	4.3%	507	30.0	1.3
PVI	12,134	0.5%	187	276.8	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.06	-0.3%	(51)	-	0.7
TTB	3.53	-0.2%	(17)	-	0.2
AGM	3.15	-46.1%	(10,046)	-	0.6
GEX	3.11	1.6%	385	59.7	0.9
VPG	2.91	-1.1%	(190)	-	1.1

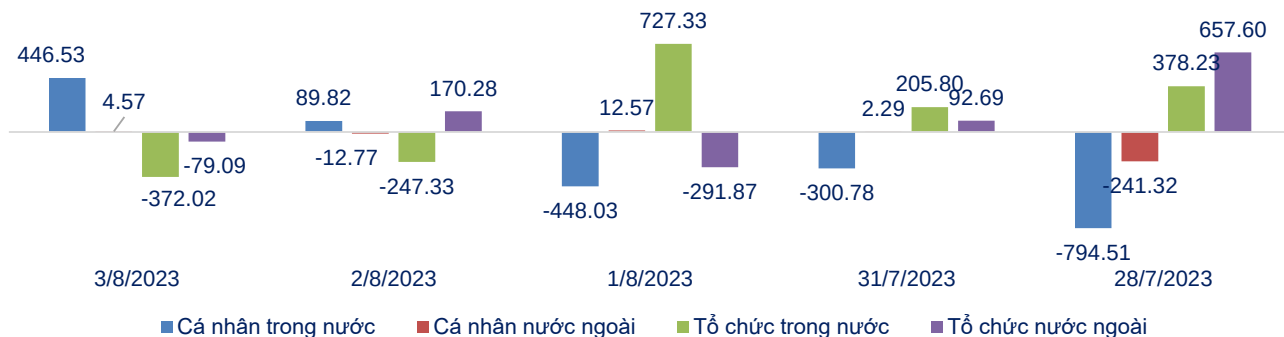
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
API	4.80	6.9%	790	8.4	0.6
VC7	4.71	2.4%	265	79.0	1.9
IDJ	4.55	5.9%	668	9.7	0.6
APS	4.51	-9.5%	(1,172)	-	0.6
VC2	4.45	4.1%	591	27.8	1.1



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	322.31	-2.0%	(328)	-	1.6
MWG	89.56	6.6%	1,069	48.4	3.2
VND	51.83	3.9%	467	43.3	1.6
VCB	36.14	23.0%	5,797	15.8	3.4
EIB	34.04	12.2%	1,726	13.3	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-75.89	15.8%	3,664	8.5	1.3
DCM	-62.10	21.3%	4,242	7.6	1.6
MSN	-54.32	3.6%	920	92.6	3.2
FRT	-50.33	-2.3%	(327)	-	5.9
CTF	-47.98	9.5%	1,145	26.2	2.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	5.72	16.0%	3,703	12.3	1.9
VIX	4.15	7.0%	839	19.5	1.3
GIL	2.98	3.8%	1,361	23.9	0.9
HPG	2.71	-2.0%	(328)	-	1.6
VNM	2.46	23.9%	3,937	19.3	4.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-7.71	3.9%	467	43.3	1.6
NVL	-4.59	-0.2%	(48)	-	0.8
CII	-3.90	0.7%	217	100.0	0.8
PDR	-2.28	8.2%	1,118	19.1	1.7
KBC	-1.55	16.4%	4,023	8.0	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	25.40	4.4%	1,492	25.8	1.1
SHB	24.14	17.9%	2,213	5.7	1.0
FRT	20.08	-2.3%	(327)	-	5.9
ACB	18.43	24.1%	4,506	5.1	1.4
PAN	15.56	3.8%	1,396	16.8	0.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-233.86	-2.0%	(328)	-	1.6
MWG	-35.55	6.6%	1,069	48.4	3.2
HAH	-32.52	20.6%	8,250	5.9	1.1
NKG	-18.88	-12.9%	(2,655)	-	0.9
NVL	-18.08	-0.2%	(48)	-	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	78.57	21.3%	4,242	7.6	1.6
CTG	77.90	15.8%	3,664	8.5	1.3
MSN	66.61	3.6%	920	92.6	3.2
CTF	47.70	9.5%	1,145	26.2	2.4
FRT	29.91	-2.3%	(327)	-	5.9

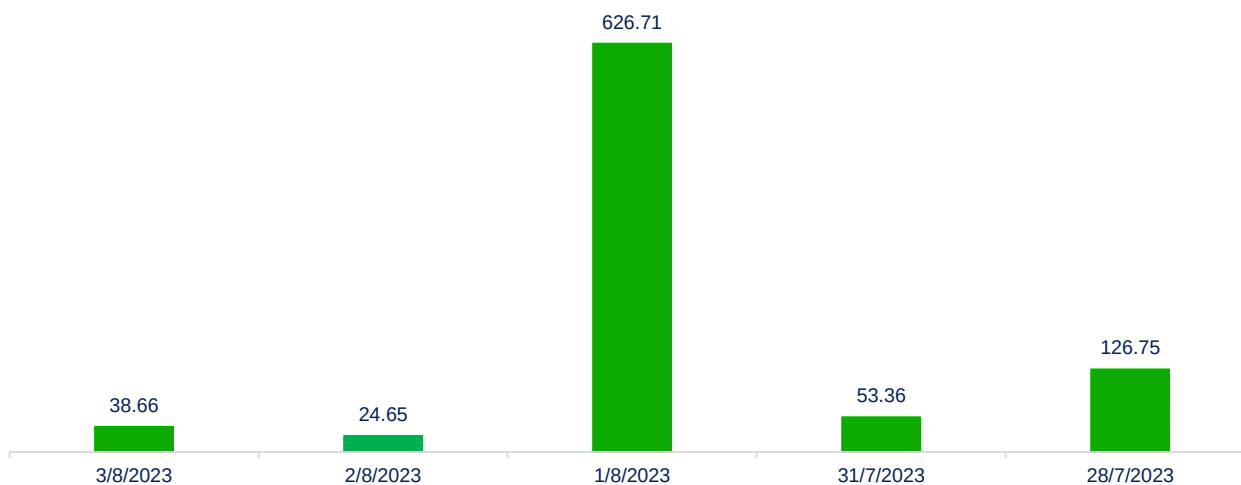
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-91.16	-2.0%	(328)	-	1.6
MWG	-54.61	6.6%	1,069	48.4	3.2
VND	-52.39	3.9%	467	43.3	1.6
CTD	-32.08	0.8%	912	69.4	0.6
VCB	-26.56	23.0%	5,797	15.8	3.4

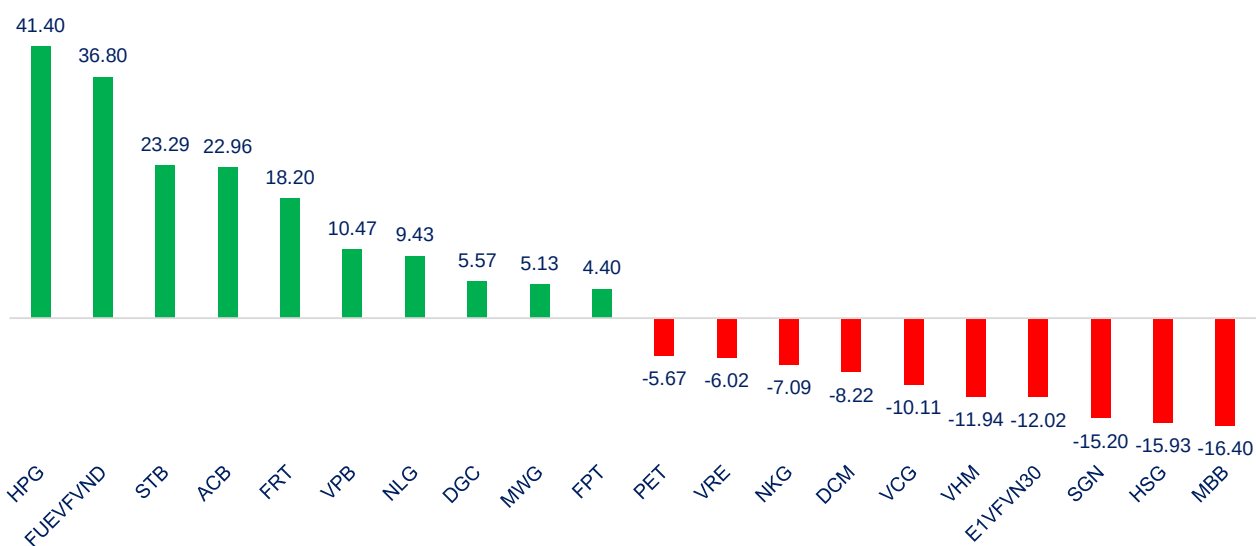


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
